

Tiết 1:

Toán (tăng)

LUYỆN TẬP : NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (CÓ NHỚ)

I Yêu cầu cần đạt :

1. Năng lực đặc thù:

- Biết cách đặt tính và thực hiện được nhân số có nhiều chữ số với số có một chữ số trong phạm vi 100 000 (có nhớ 1 lượt).

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép nhân đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. Đồ dùng dạy học :

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy, PBT bài 2, bảng phụ bài tập 3, 4

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

2. Học sinh

- Bảng con, VBT.

III. Các hoạt động dạy học :

1: Khởi động

- Yêu cầu HS tự lấy ví dụ về phép nhân với số có một chữ số và thực hiện nhân.

- Yêu cầu HS nêu cách nhân với số có 1 chữ số

- GV nhận xét

=> Khi thực hiện phép nhân, ta thực hiện qua 2 bước: Đặt tính và tính.

Bước 1: Đặt tính: Đặt tính thừa số thứ hai thẳng với hàng đơn vị của thừa số thứ nhất

Bước 2: Tính

Lấy thừa số thứ hai nhân với lần lượt từng chữ số của thừa số thứ nhất theo thứ tự phải sang trái.

Lưu ý: Chúng ta thực hiện nhớ sang hàng bên

- HS làm cá nhân, 2 HS lên bảng.

- NX.

- HS nêu.

liền kể trước đó.

2: Luyện tập , thực hành

Bài 1: Đặt tính rồi tính.

$$3029 \times 3 \qquad 21528 \times 3$$

$$2324 \times 4 \qquad 11607 \times 5$$

- Gọi hs nêu yêu cầu của bài.
- Gọi 4 hs lên bảng, lớp làm bảng con
- Y/ c học sinh nêu cách đặt tính, thực hiện phép tính.

- Em có nhận xét gì về các phép tính bài 1?

- GV nhận xét, sửa sai.

-> *Chốt: Củng cố cách đặt tính, thực hiện phép tính nhân với số có 1 chữ số.*

Bài 2: Tính giá trị của biểu thức.

a. $1414 \times 5 + 3025$ b) $2140 \times 3 - 1692$

$$1345 + 1527 \times 3 \qquad 1304 \times 6 - 905 : 5$$

- Gọi hs nêu yêu cầu của bài.
- Yêu cầu hs nêu cách tính giá trị biểu thức.

- GV nhận xét, đánh giá.

-> *Chốt: Củng cố cách tính giá trị biểu thức.*

Bài 3: GV treo bảng phụ

Có 3 thùng thuốc, mỗi thùng chứa 1325 hộp thuốc. Hỏi có tất cả bao nhiêu hộp thuốc?

- HD học sinh theo 5 bước.

- Bài toán cho biết gì?
- Bài toán hỏi gì?
- Muốn biết có tất cả bao nhiêu hộp thuốc ta làm như thế nào?

- GV nhận xét, đánh giá.

- Bài toán củng cố kiến thức gì?

- GV nhận xét, đánh giá.

-> *Chốt: Củng cố giải toán có lời văn liên*

- HD cá nhân làm bảng con.

- Đặt tính, tính.

- 4 HS lên bảng chữa bài.

- Lớp làm bảng con.

KK HS trả lời. Đây là phép nhân có nhớ

- Nhận xét.

- HS nêu lại.

- HS đọc, nêu yêu cầu.

- HS nêu

- HS làm bài cá nhân PHT, kiểm tra chéo kết quả .

- 2 HS lên bảng chữa bài.

- Nhận xét.

- HS nêu.

- HD cá nhân.

- HS phân tích đề toán

- Có 3 thùng, mỗi thùng 1325 hộp thuốc.

- Có tất cả bao nhiêu hộp thuốc.

- HS tóm tắt+ giải vào vở.

- 1 HS lên bảng chữa bài.

Giải

Ba thùng chứa số hộp thuốc là:

$$1325 \times 3 = 3975 \text{ (hộp)}$$

Đáp số: 3975 (hộp thuốc)

- HS kiểm tra kết quả.

- Nhận xét.

-KK HS trả lời.

quan đến một phép nhân.

Bài 4: Cuộn dây thứ nhất dài 1450 m, cuộn dây thứ hai dài gấp 3 lần cuộn dây thứ nhất.

Hỏi cả hai cuộn dây dài bao nhiêu mét ?

- Yêu cầu HS thảo luận tìm hiểu nội dung bài toán.
- Bài toán cho biết gì? Yêu cầu tìm gì?
- Muốn biết cả hai cuộn dây dài bao nhiêu mét ta làm thế nào ?
- KK HS nêu cách làm.
- Gọi 1 HS lên bảng làm bài.

- Bài tập củng cố kiến thức gì?

- Muốn gấp một số lên một số lần ta làm thế nào ?

-> *Chốt: Củng cố giải toán bằng 2 phép tính có liên quan đến dạng toán gấp một số lên một số lần.*

3. Vận dụng:

- Nêu các bước thực hiện phép nhân với số có một chữ số(có nhớ).
- Nêu cách gấp một số lên một số lần.
- Nhận xét tiết học, tuyên dương HS
- Dặn HS chuẩn bị bài sau.

- HĐ nhóm đôi.

- HS hỏi đáp nội dung bài toán
- HS trả lời

- KK HS xác định cách làm.
- HS làm bài vào vở.
- 1 HS lên bảng chữa bài.

Bài giải

Cuộn dây thứ hai dài số mét là
 $1450 \times 3 = 4350 \text{ (m)}$

Cả hai cuộn dây dài số mét là
 $1450 + 4350 = 5800 \text{ (m)}$

Đáp số : 5800 m

Giải toán bằng hai phép tính có liên quan đến dạng toán gấp một số lên một số lần.

Muốn gấp một số lên một số lần ta lấy số đó nhân với số lần

- HS nhắc lại

Tiết 2

Toán (Tăng)

CHIA CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ TRONG PHẠM VI 100 000 (TIẾT 1)

I. Yêu cầu cần đạt

1. Năng lực đặc thù:

- Biết cách đặt tính và thực hiện được chia số có nhiều chữ số cho số có một chữ số trong phạm vi 100 000 (chia hết ở các lượt chia, chia có dư ở lượt chia cuối cùng).

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép chia đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. Đồ dùng dạy học

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

2. Học sinh

- Bảng con, vở ghi.

III. Các hoạt động dạy học :

1. Khởi động:

- GV cho HS tự lấy VD về phép chia cho số có một chữ số. - HS lấy VD

- GV yêu cầu tự thực hiện phép chia đó và nêu cách làm - HS thực hiện

Gv chốt cho HS cách chia: Thực hiện chia theo thứ tự từ trái qua phải.

2. Luyện tập, thực hành

Bài 1: Đặt tính rồi tính

$$428 : 2 \qquad 967 : 3$$

$$5559 : 5 \qquad 84448 : 4$$

- Gọi hs nêu yêu cầu của bài.

- Y/c học sinh làm bài vào bảng con

- Gọi hs lên bảng chữa bài.

Khi thực hiện chia cho số có một chữ số ta thực hiện như thế nào?

-> *Chốt: Thực hiện chia theo thứ tự từ trái qua phải.*

Bài 2: Tính giá trị của biểu thức:

$$1435 + 2468 : 2 \qquad (560 + 288) : 4$$

$$2436 - 284 : 2 \qquad 6369 : 3 \times 5$$

- Gọi hs nêu yêu cầu của bài.

- Y/c hs làm vào vở nháp.

- GVn xét, chốt.

- HĐ cá nhân làm bảng con

- HS nêu yêu cầu của bài.

- HS làm bảng con.

- 4 HS lên bảng chữa bài, n xét.

- HS nêu

- HĐ cá nhân.

- HS nêu yêu cầu của bài.

- HS làm bài giấy nháp.

-> *Chốt: Cùng cố cách tính giá trị biểu thức.*

- *Nếu trong biểu thức có chứa dấu phép tính nhân và chia ta thực hiện tính từ trái sang phải.*

- *nếu trong biểu thức có chứa dấu phép tính cộng, trừ, nhân, chia. Ta thực hiện phép tính nhân chia trước, phép tính cộng trừ sau.*

- *Nếu trong biểu thức có chứa dấu ngoặc đơn, ta thực hiện phép tính trong ngoặc trước, phép tính ngoài ngoặc sau.*

- HS nêu miệng kết quả.
- HS đổi chéo kiểm tra kết quả.
- Nhận xét.

Bài 3 : Có 2642 quyển vở xếp đều vào 2 thùng. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu quyển vở?

- HD học sinh thực hiện theo 5 bước
- HD học sinh đọc, phân tích yêu cầu của bài.
- + Bài toán cho biết gì?
- + Bài toán yêu cầu tìm gì?
- HD học sinh tóm tắt bài
- HD học sinh phân tích bài toán chỉ ra bước giải.
- Muốn biết 1 thùng chứa bao nhiêu quyển vở ta đi tìm gì
- HD học sinh trình bày bài giải.

- HS đọc, xđ yêu cầu bài.

- Có 2642 quyển vở, xếp đều vào 2 thùng
- Tìm 1 thùng có bao nhiêu quyển vở
- HS tóm tắt bài toán

- Ta tìm một thùng , làm tính chia.

- 1HS lên bảng làm, lớp làm vở.

Bài giải

Mỗi thùng có số quyển vở là :

$$2642 : 2 = 1321 \text{ (quyển)}$$

Đáp số : 1321 quyển vở

- HD học sinh thử lại kq.

- Thử lại kq

- Nhận xét.

KK HS trả lời.

- Bài toán thuộc dạng toán gì?

- GV nhận xét, đánh giá.

Củng cố cách giải bài toán bằng một phép chia cho số có một chữ số.

Bài 4: Một cửa hàng nhận về 6 thùng hàng như nhau, mỗi thùng 1425 kg hàng. Số hàng chia đều cho 2 xe chở. Hỏi mỗi xe chở được bao nhiêu ki-lô-gam hàng?

- HD học sinh thực hiện theo 5 bước

- HD học sinh đọc, phân tích yêu cầu bài.
- + Bài toán cho biết gì?
- + Bài toán yêu cầu tìm gì?
- HD học sinh tóm tắt
- HD học sinh tích bài toán chỉ ra bước giải.
- Muốn biết mỗi xe chở bao nhiêu ki- lô- gam hàng ta đi tìm gì trước? làm tính gì?
- Sau đó tìm gì tiếp? Làm tính gì ?
- HD học sinh trình bày bài giải.
- HD học sinh thử lại kq
- GV n xét, chữa bài.
- > *Chốt: Cùng cố giải bài toán bằng hai phép tính.*
- B1: Tìm số kg hàng ở 6 thùng*
- B2: Tìm số kg mỗi xe chở được.*
- 3: Vận dụng :**
- Nêu cách đặt tính, thực hiện phép tính chia cho số có 1 chữ số?
- Nhận xét tiết học.
- HS đọc, phân tích yêu cầu bài.
- Cửa hàng nhận về 6 thùng hàng, mỗi thùng 1425 kg hàng, số hàng chia đều cho 2 xe
- Mỗi xe chở được bao nhiêu ki-lô-gam hàng
- HS tóm tắt+ giải vào vở.
- Ta tìm sáu thùng có bao nhiêu kg hàng, làm tính nhân
- Tìm một thùng có bao nhiêu kg hàng, làm tính nhân.
- 1 HS lên bảng chữa bài, lớp làm vở, đổi vở kt chéo.
- HS thử lại kết quả.
- Nhận xét.
- KK HS trả lời.
- HS nêu lại

Tiết 3

Toán (tăng)

LUYỆN TẬP: CHIA CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ TRONG PHẠM VI 100 000
(TIẾT 2)

I. Yêu cầu cần đạt :

1. Năng lực đặc thù:

- Biết cách đặt tính và thực hiện được chia số có nhiều chữ số cho số có một chữ số trong phạm vi 100 000 (chia số dư không quá 2 lượt và không liên tiếp).

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. Đồ dùng dạy học:

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

2. Học sinh

- Bảng con, vở ghi

III. Các hoạt động dạy – học

1. Khởi động

- GV cho HS tự lấy VD về phép chia số có bốn chữ số với số có một chữ số.

- GV yêu cầu tự thực hiện phép chia đó và nêu cách làm

- HS lấy VD

- HS thực hiện

->Chốt: Khi thực hiện chia ta lấy chia từ hàng cao nhất đến hàng thấp nhất theo thứ tự từ trái qua phải.

2. Luyện tập, thực hành

Bài 1: Đặt tính rồi tính

$$8645 : 2 \qquad 24529 : 2$$

$$5907 : 5 \qquad 84674 : 6$$

- Gọi hs lên bảng làm bài- lớp làm bảng con

- Y/ c hs nêu cách đặt tính, thực hiện phép tính.

- GV n xét, chốt đáp án đúng.

-> Chốt: Củng cố cách đặt tính, thực hiện phép tính chia cho số có một chữ

- HS nêu yêu cầu của bài.

- 4 HS lên bảng, lớp làm bảng con.

- Nhận xét.

- HS nêu

Bài 2: Tính giá trị của biểu thức

$$6947 + 872 : 4 \qquad (1208 + 4068) : 4$$

$$6846 : (4 + 2) \qquad 1208 : 4 + 4068 : 4$$

- Gọi học sinh nêu yêu cầu.

- GV y/ c làm bài vào vở- HS lên bảng chữa bài.

- Y/ c hs nêu lại cách tính giá trị biểu thức.

- GV n xét, chốt

->Chốt: Củng cố cách tính giá trị biểu thức.

- nếu trong biểu thức có chứa dấu phép tính cộng, trừ, nhân, chia. Ta thực hiện phép tính

- HĐ cá nhân làm vở.

- HS nêu yêu cầu của bài.

- HS làm bài vào vở

- KK HS làm cả bài.

- 4 HS lên bảng chữa bài.

- HS nêu.

- N xét.

nhân chia trước, phép tính cộng trừ sau.

- Nếu trong biểu thức có chứa dấu ngoặc đơn, ta thực hiện phép tính trong ngoặc trước, phép tính ngoài ngoặc sau.

Bài 3: Một nhà máy sản xuất được 6055 kg đường trong 5 ngày . Hỏi mỗi ngày cửa hàng sản xuất được bao nhiêu ki- lô-gam đường? (biết rằng số đường sản xuất trong ba ngày là như nhau)

- HD học sinh theo 5 bước.

- Bài toán cho biết gì?

- Bài toán yêu cầu tìm gì?

- HD phân tích bài toán

- Muốn biết mỗi ngày sản xuất được bao nhiêu ki-lô-gam đường ta phải làm như thế nào ?

- HD học sinh trình bày bài giải

- GV nhận xét, đánh giá.

Bài toán là dạng toán nào?

- GV nhận xét, đánh giá.

-> *Chốt: Cùng cố dạng toán lời văn giải bằng một phép chia*

Bài 4: Hai số có thương bằng 36. Nếu giữ nguyên số chia và tăng số bị chia lên 3 lần thì được thương mới bằng bao nhiêu?

- Gọi hs nêu yêu cầu của bài.

HD:

- Nếu giữ nguyên số chia, tăng số bị chia lên 3 lần thì thương mới sẽ như thế nào?

- Để tìm thương mới ta làm như thế nào?

- Y/ chọc sinh làm bài vào vở.

- GV n xét, đánh giá.

-> *Chốt: Khi giữ nguyên số chia tăng số bị*

Hs hỏi đáp theo nhóm đôi tìm hiểu nội dung bài toán

- Nhà máy sản xuất được 6055 kg đường trong 5 ngày

- mỗi ngày sản xuất được bao nhiêu ki-lô-gam đường ?

Lấy số đường của cả 5 ngày chia cho 5

- 1 HS lên bảng trình bày, lớp làm vở.

Giải

Mỗi ngày nhà máy sản xuất được số ki-lô- gam đường là

$$6055 : 5 = 1211 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 1211 kg

- HS kiểm tra kết quả.

HS nêu: Dạng toán lời văn giải bằng một phép tính chia.

- HĐ cá nhân làm vở.

- HS nêu yêu cầu của bài.

*HS nêu: Thương mới sẽ giảm đi 3 lần

- Ta lấy thương cũ chia cho 3

- HS làm bài vào vở.

HS lên bảng chữa bài.

Giải

chia bao nhiêu lần thì thương cũng tăng bấy nhiêu lần.

Nếu giữ nguyên số chia và tăng số bị chia lên 3 lần thì thương mới tăng lên 3 lần

Thương mới là:

$$36 \times 3 = 108$$

Đáp số: 108

3. Vận dụng

-GV nêu tóm tắt bài toán, yêu cầu HS nêu đề toán và giải bài toán đó.

Tóm tắt:

3 thùng : 519 gói bánh

1 thùng : ? gói bánh

- Nhận xét tiết học.

- Nhắc học sinh về nhà học bài.

- Nhận xét.

Hoạt động cá nhân

KKHS nêu đề toán

3 HS nêu đề toán. Lớp làm nháp

Tiết 4

Toán (tăng)

LUYỆN TẬP: CHIA CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ TRONG PHẠM VI 100 000
(TIẾT 3)

I. Yêu cầu cần đạt

1. Năng lực đặc thù:

- Biết cách đặt tính và thực hiện được chia số có nhiều chữ số cho số có một chữ số trong phạm vi 100 000 (chia có dư không quá 2 lượt).

- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép chia đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. Đồ dùng dạy học

- Kế hoạch bài dạy,

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động của giáo viên

Hoạt động của học sinh

1. Khởi động:

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.
- + Câu 1: Tính nhanh: $57 : 9 = ?$
- + Câu 2: Tìm số dư trong phép chia $456 : 5 = ?$
- + Câu 3: Phép chia $565 : 5$ có mấy lượt chia ?
- GV Nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài.

2. Luyện tập , thực hành.

Bài 1: Đặt tính rồi tính

$$\begin{array}{r} 3468 : 4 \\ 36427 : 6 \end{array} \quad \begin{array}{r} 5221 : 3 \\ 73542 : 7 \end{array}$$

- Gọi hs nêu yêu cầu của bài.
- Y/c học sinh làm bài vào bảng con
- Gọi hs lên bảng chữa bài.

Khi thực hiện chia cho số có một chữ số ta thực hiện như thế nào?

-> *Chốt: Cách đặt tính và tình của phép chia cho số có một chữ số.*

B1: Đặt tính: số bị chia viết bên trái dấu chia, số chia viết bên phải. Thương đặt dưới số chia

B2: Tính

Thực hiện chia theo thứ tự từ trái qua phải.

Bài 2: Số ?

Số bị chia	Số chia	Thương	Số dư
5974	3		
4488	8		
36427	6		
5221	5		

- GV gọi HS đọc yêu cầu bài.
- GV cho HS làm bài vào phiếu học tập

- GV mời đại diện một số HS lên bảng thực hiện
 - GV mời HS khác nhận xét.
 - GV nhận xét, tuyên dương
- Chốt cách điền số vào ô trống*

Bài 3:

Máy một bộ quần áo hết 3 mét vải. Hỏi có 1268 mét vải thì may được nhiều nhất bao nhiêu bộ quần áo và còn thừa mấy mét vải ?

- GV yêu cầu HS nêu đề bài

-Yêu cầu HS nói cho nhau nghe bài toán cho biết gì ?

- HS tham gia trò chơi
- + $57 : 9 = 6$ (dư 3)
- phép chia $456 : 5 = 91$ (dư 1)
- + có 3 lượt chia.
- HS lắng nghe.

- HĐ cá nhân làm bảng con
- HS nêu yêu cầu của bài.
- HS làm bảng con.
- 4 HS lên bảng chữa bài, n xét.
- HS nêu

- HS đọc bài.
- HS quan sát, làm bài vào phiếu học tập. Kiểm tra chéo kết quả của nhau
- Một số HS lên bảng thực hiện

- + 1 HS Đọc đề bài.
- + HS làm việc theo cặp nói cho nhau nghe.

Bài toán hỏi gì?

- Muốn biết may được nhiều nhất bao nhiêu bộ quần áo như vậy và còn thừa mấy mét vải ta làm như thế nào?
- GV cho HS làm nhóm 2 trên phiếu học tập.
- GV mời các nhóm trình bày kết quả.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài toán thuộc dạng toán gì ?

Củng cố : Cách giải bài toán bằng phép chia cho số có một chữ số có dư.

Lưu ý cách trình bày dạng toán ta phải thực hiện phép chia trước

3: Vận dụng:

- GV cho học sinh suy nghĩ, tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép chia đã học rồi chia sẻ với cả lớp.
- GV tổ chức cho HS bình chọn những bạn nêu được tình huống hay, phù hợp với yêu cầu.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- Nhận xét tiết học.

+ 2-3 cặp trình bày trước lớp – HS khác nhận xét, bổ sung.

+ Có 1268 m vải , may mỗi bộ quần áo hết 3m

+ May được nhiều nhất bao nhiêu bộ quần áo như thế và còn thừa mấy mét vải.

+Ta thực hiện phép chia: $1268 : 3$

+ Các nhóm làm bài vào phiếu học tập:

Bài giải:

Thực hiện phép chia: $1268 : 3 = 422$
(dư 2)

Vậy may được nhiều nhất 422 bộ quần áo và thừa 2 mét vải

Đáp số: 422 bộ quần áo và thừa 2 mét vải

- Các nhóm nhận xét bổ sung

- 2 HS nêu dạng toán

- HS tự nêu theo hiểu biết của bản thân. Các bạn trong lớp có thể nhận xét, bổ sung thêm cho bạn.

- HS bình chọn.

- HS lắng nghe.

TUẦN 28

Tiết 1:

Toán (Tăng)

LUYỆN TẬP: NHÂN, CHIA VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được phép tính nhân, chia trong phạm vi 100 000.
- Thực hiện được nhân nhẩm, chia nhẩm các phép tính đơn giản trong phạm vi 100 000.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép chia đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản, HS biết vận dụng phép chia để giải quyết vấn đề.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy
- vở ghi và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động Y/c H/s : Tự lấy ví dụ về 1 phép tính nhân, 1 chia số có 4 chữ số cho số có 1 chữ số. Chữa bài, nhận xét, tuyên dương. -> <i>Chốt: Cách thực hiện các phép nhân, chia cho số có một chữ số trong phạm vi 100 000</i>	1 H/s lên bảng thực hiện H/s dưới lớp làm nháp Chữa bài
2. Luyện tập, thực hành Bài 1. Tính nhẩm - GV tổ chức trò chơi “Truyền điện” 3000×5 $50\ 000 : 5$ $4\ 000 \times 4$ $54\ 000 : 9$ $80\ 000 : 2$ $32\ 000 : 8$ - GV yêu cầu HS nêu cách nhẩm <i>Chốt : Cách nhân, chia nhẩm các số tròn nghìn, chục nghìn với số có một chữ số.</i>	- HS nhẩm tính và tham gia chơi - Hs nhẩm đúng kết quả của phép tính thứ nhất có quyền chỉ định bạn nêu kết quả của phép tính bất kỳ . - 2 Hs trả lời
Bài 2: Đặt tính rồi tính 3748×2 2902×6 $6328 : 4$ $8649 : 8$ - Gọi hs nêu, xđ yêu cầu của bài. - Y/ c hs làm bảng con. - Nêu cách thực hiện phép nhân, chia các số có bốn chữ số cho số có một chữ số. - GV n xét sau mỗi lần giờ bảng. -> <i>Chốt: Cách đặt tính và thực hiện các</i>	- HĐ cá nhân - H/s đọc yêu cầu của bài Đặt tính, tính - Làm bài vào bảng con - 2 H/s lên bảng làm - Chữa bài

phép tính nhân, chia số có một chữ số .

Bài 3: Mua một bông hoa cúc hết 5000 đồng. Hỏi mua 5 bông cúc hết bao nhiêu tiền ?

- HD học sinh theo 5 bước.
 - HD phân tích bài toán
 - Bài toán cho biết gì?
 - Bài toán yêu cầu tìm gì?
- Muốn biết mua 5 bông cúc hết bao nhiêu tiền ta làm thế nào ?
- Yêu cầu 1 HS lên bảng tóm tắt và giải.
- Lớp làm vào vở

- GV nhận xét, tuyên dương
- Củng cố cách giải bài toán bằng một phép nhân (lưu ý đơn vị tiền Việt Nam là đồng)*

3.Vận dụng:

- GV cho học sinh suy nghĩ, tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép chia đã học rồi chia sẻ với cả lớp.
- GV tổ chức cho HS bình chọn những bạn nêu được tình huống hay, phù hợp với yêu cầu.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- Nhận xét tiết học.

HS thảo luận tìm hiểu nội dung bài toán.

Mua một bông hoa cúc hết 5000 đồng
Mua 5 bông cúc hết bao nhiêu tiền ?
Lấy số tiền mua 1 bông cúc nhân với 5 bông.

1 HS lên bảng làm. Lớp làm bài vào vở
Tóm tắt:
1 bông: 5000 đồng
5 bông: ? đồng

Bài giải:

Mua năm bông cúc hết số tiền là:
 $5000 \times 5 = 25\ 000$ (đồng)
Đáp số: 25 000 đồng

- HS tự nêu theo hiểu biết của bản thân. Các bạn trong lớp có thể nhận xét, bổ sung thêm cho bạn.
- HS bình chọn.
- HS lắng nghe.

Tiết 2 :

Toán (Tăng)

LUYỆN TẬP: NHÂN, CHIA VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được phép tính nhân, chia trong phạm vi 100 000.
- Thực hiện được nhân nhẩm, chia nhẩm các phép tính đơn giản trong phạm vi 100 000.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép chia đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản, HS biết vận dụng phép chia để giải quyết vấn đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy

- vở ghi và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên

1: Khởi động

- GV yêu cầu HS lấy ví dụ và thực hiện.

+ Phép nhân số có bốn chữ số với số có một chữ số.

+ Phép chia số có bốn chữ số cho số có một chữ số.

- Gọi HS nêu các bước thực hiện.

- *Chốt cách nhân, chia số có một chữ số trong phạm vi 100 000*

2: Luyện tập, thực hành

Bài 1: Tính giá trị của biểu thức.

a, $1210 \times 4 : 5$ b, $245 \times 5 + 755 \times 5$

$6384 : 6 \times 3$ $456 : 2 + 344 : 2$

*KKHS tính nhanh giá trị của các biểu thức ở phần b.

=>*Chốt cách tính giá trị của biểu thức có phép tính nhân, chia; biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia.*

Bài 2: Một xưởng sản xuất được 1250 lít dầu ăn, người ta đóng vào các can, mỗi can 5 lít. Hỏi đóng được vào bao nhiêu can dầu ăn ?

- Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi tìm hiểu nội dung bài toán

Hoạt động của học sinh

- 2 HS lên bảng, lớp làm các phép tính vào bảng con.

- HS nêu : đặt tính và tính.

- HS nêu yc.

- HS làm bài cá nhân, 2 HS lên bảng chữa bài.

- Nhận xét, nêu cách tính giá trị của biểu thức.

HS thảo luận cặp đôi

Đại diện các cặp hỏi đáp trước lớp

- Xưởng sản xuất được 1250 lít dầu ăn,

- Bài toán cho biết gì ?
- Bài toán hỏi gì ?
- Muốn biết đóng được vào bao nhiêu can ta làm thế nào ?
- Yêu cầu HS lên bảng tóm tắt+ giải

- GV nhận xét, tuyên dương
- *Củng cố cách giải bài toán lời văn bằng một phép tính chia*

Bài 3: Một cửa hàng ngày thứ nhất bán được 450 kg gạo. Ngày thứ hai bán được gấp 3 lần ngày thứ nhất. Hỏi cả hai ngày của hàng bán được bao nhiêu ki- lô gam gạo ?

- Yêu cầu HS thảo luận tìm hiểu nội dung bài toán.

Bài toán cho biết gì? Yêu cầu tìm gì

- Bài tập củng cố kiến thức gì?

- Muốn gấp một số lên một số lần ta làm thế nào ?

-> *Chốt: Củng cố giải toán bằng 2 phép*

người ta đóng vào các can, mỗi can 5 lít.

- Đóng được vào bao nhiêu can dầu ăn ?
- Ta lấy 1250 l chia cho số lít của 1 can là 5 l
- 1 HS lên bảng làm, lớp làm vào vở
- Tóm tắt
 $5 \text{ l} : 1 \text{ can}$
 $6 \text{ } 1250 \text{ l} : ? \text{ can}$

Bài giải

1250 lít dầu ăn được đóng vào số can là

$$1250 : 5 = 250 \text{ (can)}$$

Đáp số: 250 can

- HĐ nhóm đôi.

- HS hỏi đáp nội dung bài toán
- HS trả lời
- KK HS xác định cách làm.
- HS làm bài vào vở.
- 1 HS lên bảng chữa bài.

Bài giải

Ngày thứ hai bán được số ki- lô- gam gạo là

$$450 \times 3 = 1350 \text{ (kg)}$$

Cả hai ngày của hàng bán được số ki- lô- gam gạo là :

$$450 + 1350 = 1800 \text{ (kg)}$$

Đáp số : 1800 kg

Giải toán bằng hai phép tính có liên quan đến dạng toán gấp một số lên một số lần.

Muốn gấp một số lên một số lần ta lấy số đó nhân với số lần

tính có liên quan đến dạng toán gấp một số lên một số lần.

3. Vận dụng :

- Gv tổ chức cho HS chơi trò chơi “ đi chợ”
- GV nêu bài toán:

1 chiếc tẩy có giá là 2500 đồng, 1 hộp phấn có giá là 5000 đồng, 1 quyển vở có giá là 6000 đồng. Em hãy tính số tiền phải trả khi mua:

- 2 chiếc tẩy và 1 hộp phấn ?
- 1 hộp phấn và 1 quyển vở?
- GV chữa bài, nhận xét tuyên dương.

- HS tham gia chơi “Đi chợ” thì tìm nhanh số tiền phải trả bạn nào tìm được kết quả nhanh bạn chiến thắng.

Tiết 3:

Toán (Tăng)

LUYỆN TẬP: NHÂN, CHIA VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (TIẾT 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được phép tính nhân, chia trong phạm vi 100 000.
- Thực hiện được nhân nhẩm, chia nhẩm các phép tính đơn giản trong phạm vi 100 000.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép chia đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản, HS biết vận dụng phép chia để giải quyết vấn đề.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy

- vở ghi và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên

1: Khởi động

Nêu 1 phép nhân với số có 1 chữ số trong phạm vi 100 000

, 1 phép chia với số có 1 chữ số trong phạm vi 100 000

- Khi đặt tính, thực hiện nhân với số có 1 chữ số cần chú ý điều gì?

- Khi đặt tính, thực hiện chia số cho số có một chữ số cần chú ý điều gì?

- GV chốt cách đặt tính và thứ tự thực hiện nhân, phép chia số có 1 chữ số.

2: Luyện tập, thực hành

Bài 1: Đặt tính rồi tính

12624 x 4 32617 x 3 11908 x 5
23456 : 3 18678 : 3 21 715 : 7

- Gọi học sinh nêu, xác định yêu cầu của bài.

- Y/c học sinh làm bảng con.

- GV n xét sau mỗi lần giờ bảng.

- Nêu cách đặt tính, thực hiện phép tính nhân, chia các số trong phạm vi 10000.

-> Chốt: Củng cố cách đặt tính, thực hiện phép tính nhân, chia các số trong phạm vi 100000.

Bài 2: Tính giá trị của biểu thức:

a. $3 \times (16534 : 2)$

b. $2048 \times 8 : 4$

c. $45678 : 3 + 2767$

d. $21715 \times 2 + 14565 : 5$

- Gọi H/s nêu yêu cầu bài.

- Bài toán yêu cầu gì?

Nêu cách tính giá trị biểu thức

- GV n xét, chốt kt.

-> Chốt: Cách tính giá trị của các biểu thức.

- nếu trong biểu thức có chứa dấu phép tính cộng, trừ, nhân, chia. Ta thực hiện phép tính nhân chia trước, phép tính cộng

Hoạt động của học sinh

- Học sinh nêu 1 phép nhân số có 5 chữ số với số có 1 chữ số.

1 phép chia số có 5 chữ số cho số có 1 chữ số.

Cả lớp thực hiện

2 H/s trả lời

Nhận xét

- HĐ cá nhân .

- HS nêu yêu cầu, xác định yêu cầu của bài.

- Mỗi lần 3 HS lên bảng chữa bài.

- HS dưới lớp làm bảng con.

- Nhận xét.

- HĐ cá nhân

- HS nêu yêu cầu của bài.

- Tính giá trị biểu thức.

- HS nêu cách tính

- Làm bài cá nhân vào vở

- 4 H/s lên bảng làm

- Nhận xét

trừ sau.

- Nếu trong biểu thức có chứa dấu ngoặc đơn, ta thực hiện phép tính trong ngoặc trước, phép tính ngoài ngoặc sau.

Bài 3: Một kho thóc có 75 630 kg thóc. Kho xuất đi 4 lần, mỗi lần 13642 kg thóc. Hỏi sau khi xuất trong kho còn lại bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

- GV treo bảng phụ

- Gọi hs nêu yêu cầu của bài.
- Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?

- Muốn biết được số thóc còn lại ở trong kho ta phải đi tìm gì trước? Làm tính gì?
- Sau đó tìm gì tiếp? làm tính gì?
- Y/ c học sinh làm vào vở.

Bài 4: An nghĩ ra một số nếu lấy số đó chia cho 6 được thương là 12043, số dư là số lớn nhất có thể. Hỏi An nghĩ ra số nào?

- Gọi hs nêu yêu cầu của bài.
- Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi làm bài.
- GV nhận xét, đánh giá.

-> Chốt: Cách tìm số bị chia trong phép chia có dư.

- HD cá nhân
- HS thực hiện theo 5 bước
- 1H/s nêu yêu cầu bài.
- HS trả lời.
- HS tóm tắt bài.
- Ta phải tìm tổng số thóc ở bốn kho, làm tính nhân
- Tìm số thóc còn lại, làm tính trừ
- 1 HS chữa bài- lớp làm vở, đổi vở kiểm tra chéo.

Giải

Số ki-lô-gam thóc 4 lần xuất đi là:

$$13642 \times 4 = 54568(\text{kg})$$

Trong kho còn lại số ki-lô-gam thóc là:

$$75630 - 54568 = 21062(\text{kg})$$

Đáp số: 21062(kg)

- HS kiểm tra, đối chiếu kết quả.
- HS nhận xét.

- HD nhóm đôi
- HS nêu yêu cầu của bài.
- Đại diện một nhóm lên bảng chữa bài.

Bài giải

Vì số dư lớn nhất kém số chia một đơn vị nên số dư lớn nhất có thể là:

$$6 - 1 = 5$$

Số An nghĩ ra là:

$$12043 \times 6 + 5 = 72263$$

Đáp số: 72263

3. Vận dụng

- Nêu cách tìm số bị chia trong phép chia có dư
- Nhận xét tiết học

- HS trả lời.
- HS nêu.
- Học sinh lắng nghe.

TUẦN 29

Tiết 1

Toán (Tăng)

LUYỆN TẬP: TÌM THÀNH PHẦN CHƯA BIẾT CỦA PHÉP TÍNH (TÌM MỘT SỐ HẠNG TRONG MỘT TỔNG)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm thành phần chưa biết trong phép cộng.
- Vận dụng cách tìm thành phần chưa biết trong phép cộng vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy lập luận toán học, năng lực mô hình hóa toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; vận dụng làm tốt các bài tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.
- BP bài tập 2

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1: Khởi động - GV yc HS nêu quy tắc tìm một số hạng trong một tổng. - GV nhận xét, chốt quy tắc.	- HS nối tiếp nêu: Muốn tìm số hạng trong ta lấy tổng trừ đi số hạng kia.
2:Luyện tập, thực hành Bài 1 : Điền số thích hợp vào ô trống: $312 + \dots = 567$ $\dots + 430 = 500$	- HS đọc bài.
$2365 + \dots = 4198$ $\dots + 43 = 75$ - GV HD HS số còn thiếu chính là đi tìm số hạng	- HS làm bài vào vở.

chưa biết.

- GV chấm, gọi HS chữa bài trên bảng.

=>=> *Củng cố về cách tìm một số hạng chưa biết ta lấy tổng trừ đi số hạng kia.*

Bài 2 : (GV treo bảng phụ chép sẵn bài toán)

Lớp 3A có 36 học sinh, trong đó có 20 bạn nam.

Hỏi lớp 3A có bao nhiêu bạn nữ?

-Đọc yêu cầu

-Tóm tắt

- GV cùng HS phân tích bài toán:

+ Lớp 3A có 36 học sinh (tổng số học sinh nam và nữ)

+ trong đó có 20 bạn nam (số hạng đã biết)

+ Hỏi lớp 3A có bao nhiêu bạn nữ? (tìm số hạng chưa biết)

- GV yêu cầu HS làm bài.

- GV nhận xét, chấm bài.

=> *Củng cố giải bài toán tìm số hạng chưa biết qua bài toán có lời văn.*

Bài 3 : Tìm một số biết rằng số đó cộng với 6 thì được kết quả là 39.

- GV yêu cầu HS đọc, phân tích bài toán.

- GV yêu cầu HS làm bài.

=> *GV chốt :*

+ *B1: Xác định tổng của hai số, số hạng thứ hai.*

+ *B2: Tìm số hạng thứ nhất (dựa theo quy tắc tìm số hạng).*

3: Vận dụng :

-Nêu lại cách tìm số hạng chưa biết.

-Nhận xét tiết học.

- HS nêu lại cách tìm số hạng chưa biết.

-HS đọc bài.

Nam và nữ : 36 bạn

Nam :20 bạn

Nữ :... bạn ?

-HS phân tích bài toán theo cặp

- 1 HS lên bảng làm, lớp làm vở.

-KKHS nêu câu trả lời khác.

- KKHS làm

- HS đọc, xác định yêu cầu bài toán:

- 39 là tổng, 6 là số hạng thứ hai.

- Tìm số hạng thứ nhất.

- HS làm bài vào vở.

Tiết 2

Toán (Tăng)

**LUYỆN TẬP : TÌM THÀNH PHẦN CHƯA BIẾT CỦA PHÉP TÍNH (T2)
(TÌM SỐ BỊ TRỪ, SỐ TRỪ)**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm thành phần chưa biết trong phép trừ.
- Vận dụng cách tìm thành phần chưa biết trong phép trừ vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy lập luận toán học, năng lực mô hình hóa toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; vận dụng làm tốt các bài tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.
- BP bài tập 3

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1: Khởi động - GV yêu cầu HS lấy ví dụ về “Tìm số bị trừ”, số trừ chưa biết. - Muốn tìm số bị trừ ta làm như thế nào? Muốn tìm số trừ ta làm thế nào ? <i>=>GV chốt ý: Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.</i> <i>Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu</i> 2: Thực hành, luyện tập Bài 1: Tìm thành phần chưa biết của phép tính a. - 32 = 49 b. - 26 = 45 c. 345 - = 32 + 6 - Hãy nêu tên gọi từng thành phần trong phép tính ở phần a, b . - Muốn tìm số bị trừ em làm thế nào ? - Em hãy so sánh phần c với phần a, b ? - Điền được số vào chỗ chấm em làm như thế nào ?	 - HS tự lấy ví dụ và làm vào bảng con, 4 HS lên bảng. - HS trả lời. - HSNX, nhắc lại. - HS đọc yêu cầu bài. - HS nêu. - HS trả lời. - HS so sánh. - Tính hiệu về bên phải trước sau đó tìm số chưa biết.

=>GV chốt cách tìm SBT: lấy hiệu cộng với số trừ.

Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu

Bài 2 : Viết số thích hợp vào ô trống

Số bị trừ	245		580
Số trừ	127	478	
Hiệu		251	251

- Yêu cầu HS làm bài.

- GV nhận xét

=>Củng cố cách tìm hiệu, số bị trừ, số trừ

- Tìm SBT: lấy hiệu cộng với số trừ.

Tìm Hiệu: Ta lấy số bị trừ trừ đi số trừ.

Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu

Bài 3(BP): Mai có một số quả trứng gà. Mai biếu bà 8 quả thì còn 14 quả. Hỏi lúc đầu Mai có bao nhiêu quả trứng gà ?

- Bài toán cho biết gì ?

- Bài toán hỏi gì?

- Muốn biết lúc đầu Mai có bao nhiêu quả trứng gà em làm thế nào?

- Yêu cầu HS tự làm.

- GV nhận xét và đánh giá.

=> GV chốt cách giải bài toán liên quan đến tìm số bị trừ.

Bài 4: Hiệu của hai số bằng số trừ và bằng 34. Hỏi số bị trừ bằng bao nhiêu ?

GV hướng dẫn:

Bài toán cho biết gì ?

- Bài toán hỏi gì ?

- Hiệu của hai số bằng số trừ và bằng 34.

Vậy hiệu là bao nhiêu ?

Muốn tìm số bị trừ ta làm thế nào ?

GV chốt lời giải đúng.

=> Tìm hiệu hai số, lấy hiệu cộng số trừ = số bị trừ

- HS làm bài cá nhân vào vở, 3 HS lên bảng làm.

- HSNX.

- HS đọc yêu cầu bài.

HS làm bài. 1 HS lên bảng làm.

- HSNX.

- HS đọc đề bài.

- Mai có một số quả trứng gà.

Mai biếu bà 8 quả thì còn 14 quả.

- Hỏi lúc đầu Mai có bao nhiêu quả trứng gà?

- HS trả lời.

- HS làm bài. 1 HS lên bảng.

- HSNX.

- Hiệu = số trừ = 34

- Tìm số bị trừ

- 34

- HS tự làm bài, trình bày bài.

Bài giải

Số bị trừ là :

$34 + 34 = 68$

Đáp số: 68

4. Vận dụng

- GV cho học sinh suy nghĩ, tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến tìm số bị trừ, số trừ đã học rồi chia sẻ với cả lớp.
- GV tổ chức cho HS bình chọn những bạn nêu được tình huống hay, phù hợp với yêu cầu.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- Nhận xét tiết học.

- HSNX.

HS tự nêu theo hiểu biết của bản thân.
Các bạn trong lớp có thể nhận xét, bổ sung thêm cho bạn.

- HS bình chọn

- HS lắng nghe.

Tiết 3

Toán (tăng)

LUYỆN TẬP: TÌM THÀNH PHẦN CHƯA BIẾT CỦA PHÉP TÍNH TÌM MỘT THỪA SỐ CỦA PHÉP NHÂN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm thành phần chưa biết trong phép tính nhân.
- Vận dụng cách tìm thành phần chưa biết trong phép tính nhân vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực mô hình hóa toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự giác học tập, tìm hiểu nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm, lớp.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; vận dụng làm tốt các bài tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy
- Các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1: Khởi động - Muốn tìm thừa số chưa biết ta làm như thế nào? - Y/c HS làm bảng con, 2 HS lên bảng : $\square \times 3 = 24$ $2 \times \square = 18$ <i>Chốt : Thừa số chưa biết = Tích : Thừa số đã</i>	

biết.

2: Thực hành, luyện tập

Bài 1: Tìm thành phần chưa biết của phép tính

a) $\quad \times 3 = 27$ b) $2 \times \quad = 12$

c) $\quad \times 3 = 32 - 17$

GV chốt cách tìm thừa số chưa biết.

Bài 2: Điền số thích hợp và ô trống. (GV treo bảng phụ)

Thừa số	2	3		3
Thừa số	7		2	
Tích		24	16	18

GV chốt cách tìm tích, tìm thừa số.

Bài 3: Một đàn gà đang ăn thóc trong sân, người ta đếm được 10 chân gà. Hỏi trong sân có tất cả bao nhiêu con gà?

- Người ta đếm được bao nhiêu chân gà?
- Mỗi con gà có mấy cái chân?
- Vậy muốn biết 10 cái chân là số chân của mấy con gà em làm thế nào?
- YCHS trình bày bài giải, sau đó chữa bài.
- GV chốt cách giải đúng.

- Bài toán thuộc dạng toán nào?
- YCHS chỉ rõ tích, thừa số đã biết và nêu cách tìm.

Chốt cách giải bài toán dạng tìm thừa số chưa biết trong một tích.

Bài 4. Tìm một số, biết số đó nhân với 3 thì được 15.

- Số cần tìm nhân với 3 bằng bao nhiêu?
- Số cần tìm là gì của phép nhân?
- Muốn tìm số đó làm thế nào?
- YCHS trình bày bài giải.
- Gọi chữa bài, nhận xét, chốt đáp án đúng.

- HS nêu yc
- HS làm cá nhân 2 phần đầu.
- HS làm cả 3 phần.
- HS giải thích cách tìm thành phần trong mỗi phần.

- HS nêu yc
- HS trao đổi nhóm đôi làm bài
- HS nêu kết quả, nhận xét.
- * HS giải thích cách làm.

- HS đề.

- 10 chân.
- Mỗi con gà có 2 chân.
- Làm tính chia lấy $10 : 2$.

- HS tự giải, 1 HS làm bài trên bảng nhóm.
- Gắn bảng đọc bài, nhận xét.

Đáp án:

Mỗi con gà có 2 chân.

Trong sân có tất cả số con gà là:

$$10 : 2 = 5 \text{ (con gà)}$$

Đáp số: 5 con gà.

- Dạng toán tìm thừa số trong một tích.
- HS nêu.

- HS đọc đề bài.

- Bằng 15.
- Là thừa số chưa biết.
- Lấy tích chia thừa số đã biết ($15 : 3$)
- HS làm bài, chữa bài.

Đáp án:

- Bạn nào có cách giải khác?

Củng cố giải bài toán dạng Tìm thừa số trong một tích.

Bài 5: Tìm một số, biết rằng số đó nhân với 3 thì được một số chẵn liền sau số 22.

- Số chẵn liền sau số 22 là số nào?
- Bài toán cho ta biết những gì?
- Biết thừa số thứ 2 và tích. Muốn tìm thừa số thứ nhất ta làm như thế nào?
- Hướng dẫn cách lí luận và trình bày bài giải.
- KKHS trình bày bài toán theo 2 cách.

Chốt: Nêu cách giải dạng toán về tìm thừa số chưa biết ?

3. Vận dụng :

- HS nêu lại cách tìm TS chưa biết
- Nhận xét tiết học. Dặn chuẩn bị bài sau:

Số cần tìm là: $15 : 3 = 5$

Đáp số: 5.

- HS nêu.
- HS đọc bài toán.
- Số 24.
- Thừa số thứ 2 và tích.
- ... lấy tích chia cho thừa thứ 2.

- HS làm vở.

- Chữa bài, nhận xét

Cách 1: Ta sử dụng sơ đồ:

x 3

? 24

Vậy số cần tìm là:

$$24 : 3 = 8$$

Đáp số: 8

- HS nêu.